



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le Xuan Cuong
Last Middle First
- Current Address Van Son, Van Hai, Phan Rang, Thap Cham, Thuan Hai.
- Date of Birth 10-10-1945 Place of Birth Khanh Hoa
- Previous Occupation (before 1975) First Lieutenant
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 25-4-75 To 21-6-81
3. SPONSOR'S NAME: Suong Xuan le
Name

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : Le Xuan Cuong
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 10 10 1945
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): M Female (Nu): —

MARITAL STATUS Single (Doc than): — Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Van Son, Van Hai, Phan Rang, Thap Cham
(Dia chi tai Viet-Nam) Thuan Hai

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) —

If Yes (Neu co): From (Tu): 25-4-75 To (Den): 21-6-81

PLACE OF RE-EDUCATION: Phu Khanh
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Tung Hy (First lieutenant)
no

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): no

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): —

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Trưởng Company
Date (nam): —

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): —
No (Khong): —

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Xem sau
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Van Son Van Hai,
Phan Rang, Thap Cham Thuan Hai.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Suong Xuan le

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): —

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): brother

NAME & SIGNATURE: Suong Xuan le

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) —

DATE: Dec 2nd 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE XUAN CUONG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Tran Thao (father in law)	1926	Father in law
Vo Thi Luoc	1928	mother in law
Tran Thi Thanh	1954	Wife
Le xuan Quoc	1982	Son
le thi Bich Thao	1984	daughter
le xuan Nguyen	1987	son
le thi Thue Ngan	1988	daughter
le xuan Tai	1989	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Anh Baig, ở bên đó anh có nghe về diện
H.O chưa? Ở đây phố bên rất là rộng rãi. Em đã
mọi lúc ở đây từ lúc này. Vừa rồi em đã gửi qua
Thailand về nhà kiểm tra lại thiếu một phần
những người đi theo. Tập hồ sơ này em đã sao lại
hồ sơ Thailand mà em đã gửi có thiếu mấy phần thì
anh liên lạc văn phòng H.O ở Mỹ nên trực tiếp giúp
cho em. Nhờ anh gửi mấy lại đơn em đã bỏ tức
là quá gấp có người đi SG em nhờ gửi lại mấy
lại. Trong phần nguyên vọng anh ghi thêm "ti baki
mười năm không có". Mỹ giải quyết rất gấp diện H.O
từng tháng nhất định không kéo dài. Em đã cắt khúc
bút để về phần này gửi qua Huế chuyển cho anh.
Bằng mọi cách nhanh nhất giúp em để Mỹ xem
xét nhanh. Nhờ anh gửi ^{Hồ Sơ này} ^{gửi} liên lạc gửi qua
Thailand theo địa chỉ sau: ORDERLY DEPARTURE

PROGRAM OFFICE

127 SOUTH SATHORN ROAD

LÊ XUÂN-CƯỜNG

89.681-03.257

LM.B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 260474232

Họ tên LÊ XUÂN CƯỜNG



Sinh ngày 10-10-1945

Nguyên quán Diên phủ

Diên khánh, Phú khánh.

Nơi thường trú Văn hải, P-rang

Thấp chàm, Thuận hải.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN THOẠI

Sẹo chằm cách 2cm
trên trước đuôi lông
mày phải.

Ngày 24 tháng 3 năm 1982

KH. VI. H. Đ. HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 2500000110

Họ tên: TRẦN THỊ THANH



Sinh ngày: 16-11-1954

Nguyên quán: Đông Hải

Ninh Hải, Thuận Hải

Nơi thường trú: Đông Hải

Ninh Hải, Thuận Hải

Độc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm cách 2,5cm
trên trước đầu lông
mày phải

Near 3 tháng 5 năm 1979

NGÓN TRỎ PHẢI

KIỂM TRA ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TỶ

Lê Thái



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 260243084

Họ tên: TRẦN THAO



Sinh ngày: 05-02-1926

Nguyên quán: Phước hòa,

Tuy Phước, Nghĩa Bình

Nơi thường trú: Dong Hải,

Ninh Hải, Thuận Hải.

Danh tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không

DẤU VẾT RIÊNG, HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,4cm cách
1,3cm trên trục
cạnh mũi trái

Ngày 09 tháng 5 năm 1979

KIỂM ĐÓNG CHỮ HƯỚNG TÝ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TÝ

Trần Văn Quang Vinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 00000000000000000000

Họ tên: VŨ THỊ LUYỆN

Sinh ngày: 1928

Nguyên quán: Đông Hải

Ninh Hải, Thuận Hải

Nơi thường trú: Đông Hải

Ninh Hải, Thuận Hải



Họ tên:

Kính

Tôn giáo:

Hùng

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Cục thịt thừa cách
1,8cm trên sụn cánh
mũi phải

Ngày 5 tháng 5 năm 1979

TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TỶ

Chai

QUESTION AIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

D

I. BASIC INFORMATION ON APPLICATION IN VIETNAM

1. Full name of EX political prisoner : LÊ - XUÂN - CƯỜNG
2. Date and place of birth : 10.10.1945 - Phú An Bắc, Diên Khánh - Khánh-Hòa.
3. Position - Rank Before april 75 : Đại Đội Trưởng Đại đội 2/941 Địa-
Phương Quân Ninh Thuận - Cấp bậc : Trung úy - Số quân : 68/409257.
4. Month date, year arrested : 25.04.1975
5. Month date, year out of camps : 21.06.1981.
6. Present mailing address : Văn Sơn Văn Hải, PhanRang - Tháp Chàm -
Thuận Hải.
7. Current address : Văn Sơn Văn Hải, PhanRang - Tháp Chàm - Thuận Hải.
8. Training : Làm ruộng.

II. LIST FULL NAME, DATE OF BIRTH AND PLACE OF BIRTH OF EX POLITICAL PRISONER'S RELATIVES :

- A. Relatives to Accompany with EX political prisoner to be consists for US country :

No	Full name	Date of Birth	Place of Birth	Relation
1	Trần Thảo	1926	Văn Sơn Văn Hải PhanRang-Tháp Chàm Thuận Hải	cha
2	Võ Thị Liệt	1928	"	Mẹ
3	Trần Thị Thanh	1954	"	vợ
4	Lê Xuân Quốc	1982	"	con
5	Lê Thị Bích Thảo	1984	"	con
6	Lê Xuân Nguyên	1987	"	"
7	Lê Thị Thu Ngân	1988	"	"
8	Lê Xuân Tài	1989	"	"

:	- Mother	: HUỖNH THỊ BẮN	- 1902	- "-
:	- Former Apouse	: LÊ XUÂN THƯỜNG	- 1927	- "-
:		LÊ XUÂN SƯƠNG	- 1937	- "-
:		LÊ XUÂN CHÍNH	- 1941	- "-
:	- Apouse	: LÊ THỊ CHÁT	- 1931	- "-
:		LÊ THỊ THUNG	- 1933	- "-
:		LÊ THỊ MỸ PHƯƠNG	- 1943	- "-

QUESTIONAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM

D

I. BASIC INFORMATION ON APPLICATION IN VIETNAM

1. Full name of EX political prisoner : **LÊ - XUÂN - CUÔNG**
2. Date and place of birth : **10.10.1945 - Phú An Bắc, Diên Khánh - Khánh-Hòa.**
3. Position - Rank Before April 75 : **Đại Đội Trưởng Đại đội 2/941 Địa-Phương Quân Ninh Thuận - Cấp bậc : Trung úy - Số quân : 68/409257.**
4. Month date, year arrested : **25.04.1975**
5. Month date, year out of camps : **21.06.1981.**
6. Present mailing address : **Văn Sơn Văn Hải, PhanRang - Tháp Chàm -**

:03: LÊ THỊ THUNG	5.10.1933	: 55 Bến Vân Đồn - Nha Trang :	Chị ruột
:04: LÊ XUÂN SƯỞNG	: 1937 :		Anh ruột
: :	: :		:
:05: LÊ XUÂN CHÍNH	: 1941 :		Anh ruột
: :	: :		
: :	: :		
:06: LÊ THỊ MỸ PHƯƠNG	: 1943 :	Phú An Bắc - Diên Khánh -	: Chị ruột
: :	: :	Khánh Hòa.	:

B. Complete Family listing (living, dead) of EX political prisoner :

: - Father	: LÊ XUÂN QUANG	- 1900	- Sống
: - Mother	: HUỖNH THỊ BÁN	- 1902	- "-
: - Former Apouse	: LÊ XUÂN THƯỜNG	- 1927	- "-
:	LÊ XUÂN SƯỞNG	- 1937	- "-
:	LÊ XUÂN CHÍNH	- 1941	- "-
: - Apouse	: LÊ THỊ CHÁT	- 1931	- "-
:	LÊ THỊ THUNG	- 1933	- "-
:	LÊ THỊ MỸ PHƯƠNG	- 1943	- "-

III. Relatives outside VietNam

* A.- Closed Relatives in the US :

- LÊ XUÂN SƯƠNG -

- *Ngô Thị Hương* ²²⁰⁴² - Anh ruột.

không rõ địa chỉ

* B.- Closed Relatives in other foreign country :

: N ^o :	Full name	: Relatives Abin	: Address
: 01 :	LÊ XUÂN CHÍNH	:	Anh ruột
:	:	:	:
: 02 :	NGUYỄN THỊ HỮU	:	Cháu ruột
:	:	:	:
: 03 :	NGUYỄN THỊ HOA	: - " -	: - " -
: 04 :	NGUYỄN THỊ HÀ	: - " -	: - " -
: 05 :	NGUYỄN VĂN TUẤN	: - " -	: - " -

IV. Have you submitted the application for Family Reunification :

- Until Now : No
- These applications have replied from Bangkok ODP : No
- Relative in the ODP for VietNam : No
- L.O.I : No.

V. Comments - Remarks :

I wish to be settled in U.S.A the sooner the possible.

VI. I list here the documents attaches in the signature questionnaire :

- Photocopy of release certificate.
- Photo 4 x 6
- Giấy khai sinh.
- Thẻ bài.
- Căn cước.
- Giấy công nhận kết hôn.
- Giấy chứng nhận nhân khẩu thường trú.

Văn Sơn, ngày 06 tháng 11 năm 1989
Người làm đơn

LÊ XUÂN CƯỜNG.

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Phường Cần Kê
Thị xã Huỳnh Phú Lang
Tỉnh THUẬN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3
Số: 5111
Q. Số:

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH



Họ và tên	<u>Lê Xuân Hưng</u>	Nam, Nữ	<u>Nam</u>
Ngày tháng năm sinh	<u>10 - 10 - 1945</u>		
Nơi sinh	<u>Phước An Bắc, Diên Phú, Diên Khánh, Phú Khánh</u>		
Khai về Cha Mẹ	<u>CHA</u>	<u>MẸ</u>	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	<u>Lê Xuân Quang</u> <u>1900</u>	<u>Huỳnh Thị An</u> <u>1902</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Diên Khánh, Phú Khánh</u>	<u>Diên Khánh, Phú Khánh</u>	
Họ tên tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số Giấy Chứng minh hoặc CMND của người đang khai.	<u>Lê Xuân Quang 1900</u> <u>Phước An Bắc Diên Phú Diên Khánh Phú Khánh</u> <u>CMND Không có vì quá yếu</u>		

CHỖ THỰC SẴN CHÍNH

Họ tên tháng 5 năm 1982

(Ký tên và đóng dấu).

Đang ký ngày tháng năm 198
(Ký tên, đóng dấu, họ tên, chức vụ)



19 Năm Năm

Số: 529

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TTLB ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là sĩ quan, binh lính và nhân viên ngũ y quyền ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị TTGDCT do Tiền căn tại trại TY CÔNG AN PHÚ KHÁNH quản lý

— Căn cứ quyết định số: 1025/DH.Đ.Đ. 6. 1981 TY CAPK
Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: LÊ XUÂN CƯỜNG — Bi danh: _____

— Họ tên thường gọi: _____

Sinh ngày: 10 tháng 10 năm 1945

Sinh quán: Quận Bắc, Diên phước, Diên Khánh, PK

Trú quán: Thị trấn, Đông Sơn, Ninh Hải, Thuận Hải

Quốc tịch: N — Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: / — Đảng phái: /

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: TRUNG ÚY — Đoàn trưởng Đoàn 2
Tiền đoàn 941 / ĐPQ Tiền Khu Ninh Thuận

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 15. 11. 1975

— Nay về cư trú tại: Thị trấn, Đông Sơn, Ninh Hải, Thuận Hải

2 — Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật và phải giữ hành trình quản chế thời gian 12 tháng.

Phú Khánh, ngày 2 tháng 6 năm 1981

Lấn tay ngón trỏ phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

BAN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Danh bản số:

Lập tại:

TRẦN ĐỨC HẠNH

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Văn Hải

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận thị xã P. RTC.

Ngày

Tỉnh, Thành phố Chuôm Hải

Số 29

Quyển số 1

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Lê xuân Cường

Trần thị Thanh

Bí danh không

không

Sinh ngày tháng 10 - 10 - 1945

15 - 11 - 1954

năm hay tuổi

Dân tộc Kinh

Kinh

Quốc tịch Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp lâm rẫy

lâm rẫy

Nơi đăng ký Văn Sơn Văn Hải

Văn Sơn Văn Hải

nhân khẩu

thường trú Văn Sơn Văn Hải thị xã P. RTC

Văn Sơn Văn Hải thị xã P. RTC

Số giấy chứng minh nhân dân: 260474212

260260119

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 5 tháng 5 năm 1987

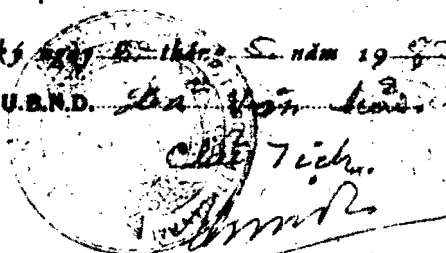
Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Trương

Th



Lê xuân Cường

Trần thị Thanh

Trần Thị Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đồng ký nhận nhận Trường Trại Trồng Hồ.

CĐ: 0148^L

Họ và Tên Chủ hộ:

TRẦN THAO

Số nhà:

Ngã (hẻm)

Hàng Phố Thôn, xóm

Văn Sơn

Xã Phường, Thị trấn

Văn Hải

Huyện Thủ:

Phạm Văn Thập Chấn

Tỉnh

Chuẩn hồi.

Ngày - Tháng

Năm 1982
Đ. Phạm

STT	Họ và Tên (Tên thường gọi)	Ngày tháng năm sinh	Nam/Nữ	Quê hương Chức vụ	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và Nơi làm việc	Ngày tháng năm Đã ký (nếu có)	Ngày tháng năm Đã ký (nếu có)	Họ Tên (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1)	Trần Thảo	lg 2	Nam	Chủ tịch	2602540584	Làm nông			
2)	Vũ Thị Liễu	lg 28	Nữ	Vợ	260260212	/			
3)	Trần Thị Khanh	lg 54	Nữ	Còn	260260119	/			
4)	Lê Xuân Cường	lg 45	Nam	Ri	260474212	/			
5)	Lê Xuân Cường	lg 82	Nam	Cháu		Học Sinh			
6)	Lê Thị Bích Thảo	lg	Nữ	/		/			
7)	Lê Xuân Nguyên	lg 87	Nam	/		/			
8)	Lê Thị Thu Nguyên	lg 89	Nữ	/		nhỏ			
9)	Lê Xuân Tài	lg 89	Nam	/		/			



SAO Y BAN CHINH

31/10/89

AN Y BAN XH
K TERNATION

[Signature]

9.7.89

(Tổng số 9 người)

Đã xét và cho phép
Trưởng Ban An Y Xã M.T.C.
Đã ký

Mai Thị Huyền

CONTROL

____ Card
____ ~~X~~ Doc. Request; Form 12/3/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter